

Hòa Bình, ngày 30 tháng 03 năm 2020

Kính gửi : - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước  
- Sở giao dịch Chứng Khoán Hà Nội  
- Quý cổ đông

1. Tên tổ chức niêm yết : Công ty Cổ phần Đầu tư Ego Việt Nam
2. Mã chứng khoán : HKT
3. Địa chỉ : Tiểu khu 13, Thị trấn Lương Sơn, Huyện Lương Sơn, Tỉnh Hòa Bình.
4. Nội dung : Công ty Cổ phần Đầu tư Ego Việt Nam xin giải trình về việc:  
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước và số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh lũy kế từ đầu năm tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo tài chính quý 4 đã công bố so với báo cáo tài chính năm được kiểm toán có sự chênh lệch từ 5% trở lên.

**Bảng 1: Lợi nhuận sau thuế TNDN của năm 2019 đã kiểm toán so với năm 2018 đã kiểm toán**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Số liệu trên BCTC năm 2019 đã kiểm toán	Số liệu trên BCTC Năm 2018 đã kiểm toán
Lợi nhuận sau thuế TNDN	46.994.768	103.194.228

Lợi nhuận trên báo cáo kiểm toán năm 2019 giảm so với cùng kỳ năm 2018 do năm 2018 công ty có khoản thu nhập khác từ bồi thường hợp đồng trong khi năm 2019 không phát sinh khoản này.

**Bảng 2: Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh lũy kế từ đầu năm tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong BCTC Quý 4/2019 so với báo cáo tài chính năm 2019 được kiểm toán**

Đơn vị tính: VND

STT	Chỉ tiêu	Số liệu lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý 4/2019	Số liệu trên BCTC năm 2019 đã kiểm toán
-----	----------	---	---



1	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.090.012.030	1.666.487.092
2	Chi phí tài chính	101.652.138	236.193.411
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1.742.727.544	1.238.615.666
4	Chi phí khác	1.404.581.172	981.056.235
5	Lợi nhuận khác	(1.404.581.172)	(981.056.235)
6	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	338.146.372	257.559.431
7	Chi phí TNDN hiện hành	57.484.883	210.564.663
8	Lợi nhuận sau thuế TNDN	280.661.489	46.9994.768

Các chênh lệch số liệu báo cáo kết quả kinh doanh của quý 4/2019 so với báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019 là do sơ suất của bộ phận kế toán hạch toán sai và kiểm toán đã chỉnh lại.

Vậy, Công ty Cổ phần Đầu tư Ego Việt Nam gửi công văn giải trình để Quý Ủy ban và Quý Sở cùng các nhà đầu tư được biết.

*Xin trân trọng cảm ơn !*

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- Lưu VP.

**Tổng Giám đốc**  
  
**Đặng Thế Phi**



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ EGO VIỆT NAM**  
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2019**



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ EGO VIỆT NAM**

Tiểu khu 13, Thị trấn Lương Sơn, Huyện Lương Sơn, Tỉnh Hòa Bình.

---

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8- 23

20  
VH  
Y  
HƯ  
TU  
ET  
NÓ  
T.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ EGO VIỆT NAM

Tiểu khu 13, Thị trấn Lương Sơn, Huyện Lương Sơn, Tỉnh Hòa Bình.

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Ego Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty điều hành Công ty trong năm và đến ngày phát hành báo cáo gồm:

##### Hội đồng Quản trị

Ông: Nguyễn Hoàng Hà

Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 31/07/2019)

Ông: Đặng Thế Phi

Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 31/07/2019)

Bà : Nguyễn Thị Thắm

Thành viên

Ông: Phạm Vũ Tuấn

Thành viên (từ nhiệm ngày 16/04/2019)

Ông: Nguyễn Hoài Anh

Thành viên (từ nhiệm ngày 16/04/2019)

Ông: Phạm Thị Thanh Nhân

Thành viên (bổ nhiệm ngày 26/04/2019)

##### Ban Giám đốc

Ông: Đặng Thế Phi

Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 04/08/2019)

Bà : Nguyễn Thị Thắm

Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 04/08/2019)

##### Ban kiểm soát

Bà Bùi Thị Thùy

Trưởng ban

Ông Triệu Khánh Hiền

Thành viên

Bà Phạm Thanh Huyền

Thành viên

##### Đại diện pháp luật

Người đại diện pháp luật của Công ty đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Đặng Thế phi – Tổng giám đốc và Ông Nguyễn Hoàng Hà

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ EGO VIỆT NAM

Tiêu khu 13, Thị trấn Lương Sơn, Huyện Lương Sơn, Tỉnh Hòa Bình.

---

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Đặng Thế Phi**  
**Tổng giám đốc**

Ngày 30 tháng 03 năm 2020

Số: 10403 /2020/BCKT-KTV/HN

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông và Hội đồng Quản trị  
Công ty Cổ phần Đầu tư Ego Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Ego Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 30/03/2020, từ trang 04 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2020

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn  
Đất Việt tại Hà Nội



NGUYỄN THÀNH NAM - Phó Giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3528-2016-037-1

CHU NGỌC TUẤN - Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3107-2020-037-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

**MẪU SỐ B 01-DN**  
 Đơn vị tính: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>66.283.918.529</b>	<b>28.471.453.519</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>800.812.793</b>	<b>921.824.048</b>
1. Tiền	111		800.812.793	921.824.048
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>45.698.722.248</b>	<b>24.681.419.691</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	42.678.635.178	19.748.437.465
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		55.000.000	225.000.000
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.3	3.800.000.000	1.800.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	351.590.526	4.094.485.682
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(1.186.503.456)	(1.186.503.456)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.6</b>	<b>19.778.192.488</b>	<b>2.868.209.780</b>
1. Hàng tồn kho	141		19.778.192.488	2.868.209.780
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>6.191.000</b>	<b>-</b>
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.191.000	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>46.932.696.934</b>	<b>48.848.090.014</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>628.460.500</b>	<b>628.460.500</b>
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	628.460.500	628.460.500
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>11.354.236.434</b>	<b>13.252.069.892</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	11.354.236.434	13.252.069.892
- Nguyên giá	222		23.174.296.151	23.174.296.151
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(11.820.059.717)	(9.922.226.259)
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.8</b>	<b>34.950.000.000</b>	<b>34.950.000.000</b>
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		34.950.000.000	34.950.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>-</b>	<b>17.559.622</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	17.559.622
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>113.216.615.463</b>	<b>77.319.543.533</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

**MẪU SỐ B 01-DN**  
 Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>44.868.547.696</b>	<b>9.018.470.534</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>44.868.547.696</b>	<b>9.018.470.534</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	41.638.536.611	1.984.152.611
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	158.551.560	2.799.438.199
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	216.245.788	403.172.363
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		200.000.000	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		14.189.376	-
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.10	2.401.088.000	3.591.771.000
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		239.936.361	239.936.361
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>68.348.067.767</b>	<b>68.301.072.999</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.13</b>	<b>68.348.067.767</b>	<b>68.301.072.999</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		61.350.290.000	61.350.290.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		61.350.290.000	61.350.290.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		287.923.633	287.923.633
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.709.854.134	6.662.859.366
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		6.662.859.366	6.559.665.138
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		46.994.768	103.194.228
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>113.216.615.463</b>	<b>77.319.543.533</b>



**Đặng Thế Phi**  
 Tổng giám đốc  
 Ngày 30 tháng 03 năm 2020

**Nguyễn Thị Hương**  
 Phụ Trách kế toán

**Nguyễn Thị Hương**  
 Người lập biểu

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**MẪU SỐ B 02-DN**  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	120.809.859.756	17.100.277.500
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	120.809.859.756	17.100.277.500
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	119.143.372.664	16.732.219.918
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.666.487.092	368.057.582
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	992.218.934	155.515.360
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	236.193.411	307.170.065
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		236.193.411	307.170.065
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	1.183.896.949	(252.515.049)
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.238.615.666	468.917.926
11. Thu nhập khác	31		-	1.804.000.000
12. Chi phí khác	32		981.056.235	1.787.900.680
13. Lợi nhuận khác	40	VI.6	(981.056.235)	16.099.320
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		257.559.431	485.017.246
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	210.564.663	381.823.018
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		46.994.768	103.194.228
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	7,7	16,8



Đặng Thế Phi  
Tổng giám đốc

Ngày 30 tháng 03 năm 2020

Nguyễn Thị Hương  
Phụ Trách kế toán

Nguyễn Thị Hương  
Người lập biểu

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 (Theo phương pháp gián tiếp)  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**MÃ SỐ B 03-DN**  
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		257.559.431	485.017.246
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1.897.833.458	1.936.283.535
- Các khoản dự phòng	03		-	(780.233.903)
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(992.218.934)	(155.515.360)
- Chi phí lãi vay	06		236.193.411	307.170.065
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		1.399.367.366	1.792.721.583
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(18.951.979.603)	25.966.772.423
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(16.909.982.708)	16.576.759.918
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		38.195.982.487	(8.222.404.905)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		17.559.622	17.559.622
- Tiền lãi vay đã trả	14		(401.652.138)	(302.822.265)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.200.000.000)	
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	(600.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		2.149.295.026	35.228.586.376
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(19.738.899.708)	(1.800.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		17.738.899.708	1.500.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			(34.950.000.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		920.376.719	33.765.360
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.079.623.281)	(35.216.234.640)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
3. Tiền thu từ đi vay	33		1.755.317.000	829.704.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(2.946.000.000)	(135.100.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.190.683.000)	694.604.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(121.011.255)	706.955.736
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		921.824.048	214.868.312
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	800.812.793	921.824.048



**Đặng Thế Phi**  
 Tổng giám đốc  
 Ngày 30 tháng 03 năm 2020

**Nguyễn Thị Hương**  
 Phụ Trách kế toán

**Nguyễn Thị Hương**  
 Người lập biểu

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Ego Việt Nam (Được đổi tên từ Công ty CP Chè Hiệp Khánh) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số thuế 5400257584 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp lần đầu ngày 13 tháng 07 năm 2007. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 9 ngày 02 tháng 08 năm 2019.

Trụ sở chính của công ty tại: Tiểu khu 13, Thị trấn Lương Sơn, Huyện Lương Sơn, Tỉnh Hòa Bình.

**2. Ngành nghề kinh doanh**

- Sản xuất các cấu kiện kim loại; Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại; Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại; Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Trồng cây hàng năm khác; Trồng cây chè; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét ; Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu; Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa; Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ; Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp; Chế biến và bảo quản rau quả; Sản xuất cà phê; Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Xây dựng nhà để ở; Ngô và cây lương thực có hạt khác; Trồng cây thuốc lá, thuốc láo; Trồng cây điều; cây lâu năm khác; Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm; Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác; Bán buôn thực phẩm; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch; Trồng cây lấy củ có chất bột; Trồng cây ăn quả; Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn; Khai thác lâm sản khác trừ gỗ; Nuôi trồng thủy sản nội địa. Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản. Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Trồng cây mía; Trồng cây có hạt chứa dầu; rau, đậu các loại và trồng hoa; Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm; Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò; Khai thác thủy sản nội địa; xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản. Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì. Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; Trồng lúa; Chăn nuôi khác; Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp; Hoạt động dịch vụ trồng trọt; Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch; Trồng rừng, chăm sóc rừng và uơm giống cây lâm nghiệp; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; Bán lẻ đồ dùng kim, sơn, kính và t.bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển; Điều hành tua du lịch; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu; Trồng cây lấy sợi; Trồng cây lấy quả chứa dầu; Trồng cây hồ tiêu; Trồng cây cao su; Trồng cây cà phê; Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai; Xử lý hạt giống để nhân giống; Khai thác gỗ; Nuôi trồng thủy sản biển; Sản xuất chè; Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt; Xây dựng nhà không để ở; Đại lý du lịch; cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm; Chăn nuôi gia cầm; Hoạt động dịch vụ chăn nuôi; Khai thác thủy sản biển; Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu; Sản xuất, chế biến, gia công chè; Đầu tư, trồng và phát triển cây chè.

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN****1. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

**2. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### **2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

#### **3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

#### **4. Công cụ tài chính**

##### *Ghi nhận ban đầu*

##### *Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

##### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### **2. Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

#### **3. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

#### 4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản hữu hình được ghi nhận là tài sản cố định hữu hình nếu thỏa mãn đồng thời các tiêu chuẩn sau: (i) Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó; (ii) Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên; (iii) Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 VND trở lên.

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

##### *Nguyên giá*

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

##### *Khấu hao*

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật , kiến trúc	08 – 20
Máy móc, thiết bị	07 – 12

#### 5. Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

#### 6. Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty.

#### 7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

#### 8. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

#### 9. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các kỳ trước.

#### 10. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; (ii) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; (iii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (iv) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và (v) Chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng có thể xác định được.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (ii) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; (iii) Phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán có thể xác định được; và (iv) Chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó có thể xác định được

***Doanh thu từ tiền lãi***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia của Công ty được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau: (i) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và (ii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**11. Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**12. Thuế**

***Thuế thu nhập hiện hành***

Công ty được áp dụng mức thuế suất 20% trong vòng 10 năm kể từ khi đi vào hoạt động, miễn thuế 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế ( năm 2010 và 2011) và giảm 50% số thuế phải nộp cho 6 năm tiếp theo (năm 2012 đến năm 2017).

Từ năm 2016 đơn vị áp dụng thuế suất ưu đãi 17%

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

***Thuế khác***

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

(Đơn vị tính: VND)

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	782.811.400	906.838.760
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	18.001.393	14.985.288
<b>Cộng</b>	<b>800.812.793</b>	<b>921.824.048</b>

**2. Phải thu khách hàng ngắn hạn**

	Cuối năm	Đầu năm
- Công ty TNHH Trường Vĩnh Phát	28.350.000.000	-
- Công ty TNHH Thiên Lộc Mãi	13.137.197.713	-
- DNTN Chè Xuất khẩu Thanh Quang	-	18.557.000.000
- Các khách hàng khác	1.191.437.465	1.191.437.465
<b>Cộng</b>	<b>42.678.635.178</b>	<b>19.748.437.465</b>

**3. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	Cuối năm	Đầu năm
- Cho vay cá nhân ngắn hạn (*)	3.800.000.000	1.800.000.000
<b>Cộng</b>	<b>3.800.000.000</b>	<b>1.800.000.000</b>

(\*) Hợp đồng cho cá nhân vay với lãi suất 12%/năm, thời hạn cho vay dưới 12 tháng.

**4. Phải thu khác**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>351.590.526</b>	-	<b>4.094.485.682</b>	-
- Tạm ứng	3.402.000	-	2.003.402.000	-
- Lãi cho vay	343.263.954	-	271.750.000	-
- Phải thu khác	4.924.572	-	1.819.333.682	-
<b>b. Dài hạn</b>	<b>628.460.500</b>	-	<b>628.460.500</b>	-
- Phải thu khác(*)	628.460.500	-	628.460.500	-
<b>Cộng</b>	<b>980.051.026</b>	-	<b>4.722.946.182</b>	-
<b>Trong đó Phải thu khác là bên liên quan</b>				
Tạm ứng Ông Đặng Thế Phi	3.402.000	-	2.003.402.000	-

(\*) Khoản chi phí đền bù giải phóng mặt bằng được trừ dần vào tiền thuê đất phải nộp hằng năm sau khi hết thời hạn ưu đãi miễn thuế.



**5. Nợ xấu**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Mr. Ahmad Shad - Asah Safi LTD	532.477.281	-	532.477.281	-
- Mr. Raza Ahmed Kudia - Abdul sttar Shakoor Kudia Ltd.,	135.308.961	-	135.308.961	-
- Mr. Sham - Mashahir Shargh international TPT co LTD	390.670.400	-	390.670.400	-
- Phạm Thị Hoàng Yến	-	-	-	-
- Các khách hàng khác	128.046.814	-	128.046.814	-
<b>Cộng</b>	<b>1.186.503.456</b>	<b>-</b>	<b>1.186.503.456</b>	<b>-</b>

**6. Hàng tồn kho**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	932.249.539	-	967.200.355	-
- Công cụ dụng cụ	513.371.600	-	513.371.600	-
- Thành phẩm	591.559.997	-	646.747.151	-
- Hàng hóa	17.741.011.352	-	740.890.674	-
<b>Cộng</b>	<b>19.778.192.488</b>	<b>-</b>	<b>2.868.209.780</b>	<b>-</b>

**7. Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư đầu năm	11.568.934.724	11.605.361.427	23.174.296.151
Số dư cuối năm	11.568.934.724	11.605.361.427	23.174.296.151
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư đầu năm	4.380.291.962	5.541.934.297	9.922.226.259
Khấu hao trong năm	682.228.720	1.215.604.738	1.897.833.458
Số dư cuối năm	5.062.520.682	6.757.539.035	11.820.059.717
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày đầu năm	7.188.642.762	6.063.427.130	13.252.069.892
Tại ngày cuối năm	6.506.414.042	4.847.822.392	11.354.236.434

Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao còn sử dụng tại thời điểm ngày 31/12/2019 là: 330.961.427 VND

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B 09 - DN**

**8. Các khoản đầu tư dài hạn**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
<i>* Đầu tư vào đơn vị khác</i>				
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Công nghệ Vạn Cát	6.600.000.000	-	6.600.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phương Đức	28.350.000.000	-	28.350.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>34.950.000.000</b>	<b>-</b>	<b>34.950.000.000</b>	<b>-</b>

(\*) Theo qui định tại Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Công ty chỉ đánh giá được những khoản đầu tư đối với Công ty niêm yết tại thời điểm 31/12/2019. Đối với các Công ty chưa thực hiện niêm yết, Công ty chưa xác định được định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào đơn vị khác của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

Đầu tư vào công ty khác	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Vạn Cát	Tầng 5, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, TP Hà Nội	9,71%	9,71%	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
Công ty Cổ phần Đầu tư Phương Đức	Tầng 6, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, TP Hà Nội	14,18%	14,18%	Xây dựng nhà các loại

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ EGO VIỆT NAM**

Tiểu khu 13, Thị trấn Lương Sơn, Huyện Lương Sơn, Tỉnh Hòa Bình

**Báo cáo tài chính**Cho năm tài chính kết thúc ngày  
31 tháng 12 năm 2019**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Mẫu số B 09 - DN****10. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn**

	Cuối năm		Trong năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Bà Thạch Thị Thùy Trang (i)	-	-	-	51.000.000	51.000.000	51.000.000
Ông Phạm Duy (ii)	846.167.000	846.167.000	-	2.000.000.000	2.846.167.000	2.846.167.000
Ông Đặng Quang Thái (i)	915.317.000	915.317.000	1.755.317.000	895.000.000	55.000.000	55.000.000
Ông Nguyễn Hoàng Nam(i)	639.604.000	639.604.000	-	-	639.604.000	639.604.000
<b>Cộng</b>	<b>2.401.088.000</b>	<b>2.401.088.000</b>	<b>1.755.317.000</b>	<b>2.946.000.000</b>	<b>3.591.771.000</b>	<b>3.591.771.000</b>

**Chi tiết các khoản vay tại thời điểm 31/12/2019 như sau:**

- (i) Các khoản vay cá nhân ngắn hạn; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh; Thời hạn vay: dưới 12 tháng; Lãi suất 8%/năm; Hình thức đảm bảo: Tín chấp.
- (ii) Vay cá nhân Ông Phạm Duy; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh; Thời hạn vay: dưới 12 tháng; Lãi suất 10%/năm; Hình thức đảm bảo: đảm bảo bằng cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư Ego Việt Nam thuộc sở hữu của bên thứ ba.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B 09 - DN**

**11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Đầu năm	Trong năm		Cuối năm
	Số phải nộp	Tăng	Giảm	Số phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	1.672.590.889	-	1.672.590.889	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.103.192.396	210.564.663	1.200.000.000	113.757.059
Thuế thu nhập cá nhân	15.333.682	21.139.587	-	36.473.269
Các loại thuế khác	-	23.384.350	23.384.350	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	8.321.232	-	-	8.321.232
<b>Cộng</b>	<b>2.799.438.199</b>	<b>255.088.600</b>	<b>2.895.975.239</b>	<b>158.551.560</b>

**12. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Cuối năm	Đầu năm
- Lãi vay phải trả	216.245.788	403.172.363
<b>Cộng</b>	<b>216.245.788</b>	<b>403.172.363</b>

**13. Vốn chủ sở hữu**

**13.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ Đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
<b>NĂM TRƯỚC</b>				
Số dư đầu năm	55.773.000.000	287.923.633	12.136.955.138	68.197.878.771
Tăng vốn	5.577.290.000			5.577.290.000
Lãi trong năm	-	-	103.194.228	103.194.228
Chia cổ tức	-	-	(5.577.290.000)	(5.577.290.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>61.350.290.000</b>	<b>287.923.633</b>	<b>6.662.859.366</b>	<b>68.301.072.999</b>
<b>NĂM NAY</b>				
Số dư đầu năm	61.350.290.000	287.923.633	6.662.859.366	68.301.072.999
Lãi trong năm	-	-	43.837.625	43.837.625
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>61.350.290.000</b>	<b>287.923.633</b>	<b>6.706.696.991</b>	<b>68.344.910.624</b>

**13.2. Cổ phiếu**

	Cuối năm	Đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.135.029	6.135.029
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.135.029	6.135.029
Cổ phiếu phổ thông	6.135.029	6.135.029
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.135.029	6.135.029
Cổ phiếu phổ thông	6.135.029	6.135.029
<b>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)</b>	<b>10.000</b>	<b>10.000</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B 09 - DN

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

(Đơn vị tính: VND)

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu	120.809.859.756	17.100.277.500
Doanh thu cung cấp dịch vụ	120.809.859.756	17.100.277.500
Các khoản giảm trừ	-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>120.809.859.756</u></b>	<b><u>17.100.277.500</u></b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn hàng bán	119.143.372.664	16.732.219.918
<b>Cộng</b>	<b><u>119.143.372.664</u></b>	<b><u>16.732.219.918</u></b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	992.218.934	155.515.360
<b>Cộng</b>	<b><u>992.218.934</u></b>	<b><u>155.515.360</u></b>

**4. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền vay	236.193.411	307.170.065
<b>Cộng</b>	<b><u>236.193.411</u></b>	<b><u>307.170.065</u></b>

**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân công	188.817.354	152.403.563
Chi phí đồ dùng văn phòng	17.559.622	17.559.622
Chi phí khấu hao tài sản cố định	682.228.719	175.283.027
Thuế phí và lệ phí	23.384.350	3.000.000
Hoàn nhập dự phòng	-	(780.233.903)
Chi phí mua ngoài	233.533.766	-
Chi phí khác bằng tiền	38.373.138	179.472.642
<b>Cộng</b>	<b><u>1.183.896.949</u></b>	<b><u>(252.515.049)</u></b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B 09 - DN**

**6. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Thu nhập khác</b>	<b>-</b>	<b>1.804.000.000</b>
Thu nhập khác	-	1.804.000.000
<b>Chi phí khác</b>	<b>981.056.235</b>	<b>1.787.900.680</b>
Lãi phạt hành chính về thuế và bảo hiểm xã hội	171.703.330	26.900.172
Chi phí khấu hao tài sản cố định	792.079.802	1.761.000.508
Chi phí khác	17.273.103	-
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>(981.056.235)</b>	<b>16.099.320</b>

**7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>257.559.431</b>	<b>485.017.246</b>
<b>Điều chỉnh tăng</b>	<b>981.056.235</b>	<b>1.761.000.508</b>
Chi phí không được trừ	981.056.235	1.761.000.508
<b>Lợi nhuận trước thuế trước điều chỉnh lỗ năm trước</b>	<b>1.238.615.666</b>	<b>2.246.017.754</b>
Thuế suất thuế TNDN	17%	17%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>210.564.663</b>	<b>381.823.018</b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	46.994.768	103.194.228
Các khoản điều chỉnh: (*)	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	46.994.768	103.194.228
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu)	6.135.029	6.135.029
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>7,7</b>	<b>16,8</b>

(\*) Công ty chưa có kế hoạch trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế do đó không có số liệu trình bày.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B 09 - DN**

**9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	197.410.438	17.559.622
Chi phí nhân công	190.167.354	152.403.563
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.105.753.657	175.283.027
Chi phí dịch vụ mua ngoài	233.533.766	119.325.479
Chi phí khác bằng tiền	61.757.488	63.147.163
Dự phòng phải thu khó đòi	-	(780.233.903)
<b>Cộng</b>	<b><u>1.788.622.703</u></b>	<b><u>(252.515.049)</u></b>

**III. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

*(Đơn vị tính: VND)*

**1. Thông tin về các bên liên quan**

**1.1. Nghiệp vụ với các bên liên quan**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Ông Đặng Thế Phi	Chủ tịch HĐQT đến ngày 31/07/2019 Tổng giám đốc công ty từ ngày 04/08/2019

**Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán**

	<u>Cuối năm</u>	<u>Cuối năm</u>
<b>Tạm ứng</b>		
- Ông Đặng Thế Phi	3.402.000	2.003.402.000

**1.2. Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập của Ban Giám đốc	35.440.000	67.780.838

**2. Báo cáo bộ phận**

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Trong năm Công ty hoạt động tại khu vực phía Bắc. Do đó, Công ty chỉ tiến hành lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B 09 - DN**

Chỉ tiêu	Thương mại	Cho thuê nhà xưởng	Các hoạt động khác	Tổng cộng toàn Công ty
<b>KẾT QUẢ KINH DOANH</b>				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	120.202.859.756	400.000.000	207.000.000	120.809.859.756
Giá vốn hàng bán	118.708.721.282	404.953.510	29.697.872	119.143.372.664
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.494.138.474	(4.953.510)	177.302.128	1.666.487.092
<b>TÀI SẢN</b>				
Tài sản bộ phận	62.477.727.529	10.791.336.645		73.269.064.174
Tài sản không phân bổ	-	-		39.947.551.289
Tổng tài sản	62.477.727.529	10.791.336.645		113.216.615.463
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>				
Nợ phải trả bộ phận	41.652.725.987	200.000.000		41.852.725.987
Nợ phải trả không phân bổ	-			3.015.821.709
Tổng nợ phải trả	41.652.725.987	200.000.000		44.868.547.696

**3. Công cụ tài chính**

Ngày 06/11/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), có hiệu lực đối với các Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi. Tuy nhiên, Thông tư 210 không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực kế toán quốc tế và Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế. Các khoản mục tài sản và nợ của Công ty vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Hệ thống kế toán Việt Nam.

**3.1. Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	Cuối năm	Đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	800.812.793	921.824.048
Phải thu khách hàng và phải thu khác	42.472.182.748	23.284.880.191
Cho vay ngắn hạn	3.800.000.000	1.800.000.000
Đầu tư dài hạn	34.950.000.000	34.950.000.000
<b>Cộng</b>	<b>82.022.995.541</b>	<b>60.956.704.239</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Các khoản vay	2.401.088.000	3.591.771.000
Phải trả người bán và phải trả khác	41.652.725.987	1.984.152.611
Chi phí phải trả	216.245.788	403.172.363
<b>Cộng</b>	<b>44.270.059.775</b>	<b>5.979.095.974</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Mẫu số B 09 - DN****3.2. Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục, vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông/chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông/chủ sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**3.3. Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro tài chính do thiếu thị trường mua bán các công cụ tài chính này.

**3.3.1 Quản lý rủi ro tỷ giá**

Rủi ro tỷ giá là rủi ro liên quan đến lỗ phát sinh từ biến động của tỷ giá trao đổi ngoại tệ. Biến động tỷ giá trao đổi giữa VND và các ngoại tệ mà Công ty có sử dụng có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty. Công ty hạn chế rủi ro này bằng cách giảm thiểu trạng thái ngoại tệ ròng.

**3.3.2 Quản lý rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

**3.3.3 Quản lý rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

**3.3.4 Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa nợ phải trả đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay, nguồn vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B 09 - DN**

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn cho nợ phải trả tài chính phi phái sinh và tài sản tài chính phi phái sinh trên cơ sở không chiết khấu tại thời điểm lập báo cáo:

<u>Khoản mục</u>	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 năm - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
<b>NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH</b>			
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>			
Các khoản vay	2.401.088.000	-	2.401.088.000
Phải trả người bán và phải trả khác	41.652.725.987	-	41.652.725.987
Chi phí phải trả	216.245.788	-	216.245.788
<b>Cộng</b>	<b>44.270.059.775</b>	<b>-</b>	<b>44.270.059.775</b>
<b>Tại ngày 01/01/2019</b>			
Các khoản vay	3.591.771.000	-	3.591.771.000
Phải trả người bán và phải trả khác	1.984.152.611	-	1.984.152.611
Chi phí phải trả	403.172.363	-	403.172.363
<b>Cộng</b>	<b>5.979.095.974</b>	<b>-</b>	<b>5.979.095.974</b>
<b>TÀI SẢN TÀI CHÍNH</b>			
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	800.812.793	-	800.812.793
Phải thu khách hàng và phải thu khác	41.843.722.248	628.460.500	42.472.182.748
Phải thu về cho vay ngắn hạn	3.800.000.000	-	3.800.000.000
Đầu tư dài hạn	-	34.950.000.000	34.950.000.000
<b>Cộng</b>	<b>46.444.535.041</b>	<b>35.578.460.500</b>	<b>82.022.995.541</b>
<b>Tại ngày 01/01/2019</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	921.824.048	-	921.824.048
Phải thu khách hàng và phải thu khác	22.656.419.691	628.460.500	23.284.880.191
Đầu tư ngắn hạn	1.800.000.000	-	1.800.000.000
<b>Cộng</b>	<b>25.378.243.739</b>	<b>35.578.460.500</b>	<b>60.956.704.239</b>

**4. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Đất Việt tại Hà Nội kiểm toán.



**Đặng Thế Phi**  
**Tổng giám đốc**  
 Ngày 30 tháng 03 năm 2020

  
**Nguyễn Thị Hương**  
**Phụ Trách kế toán**

  
**Nguyễn Thị Hương**  
**Người lập biểu**